

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 04/3/2026
V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**
2. Ông **Hà Ứng Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 362/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp THA, xã T, tỉnh A

- Bị đơn: Anh **Hồ Văn T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp THA, xã T, tỉnh A

(Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2025, bản tự khai ngày 09/01/2026, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T chung sống với nhau vào năm 1995 vợ chồng có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2012 tại UBND

xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi chung sống chị D và anh T có quen biết nhau, có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép. Trong thời gian chung anh chị có 03 người con chung: Hồ Văn P1, sinh ngày 08/4/1998; Hồ Văn P2, sinh ngày 10/9/2000 và Hồ Văn P3, sinh ngày 23/5/2009. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận; về nợ chung: Không có.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, mặc dù chị D đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy. Tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy chị D muốn chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị D cảm thấy không hạnh phúc khi chung sống với nhau. Do đó chị D yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn T;

- Về con chung: Đối với các con chung tên Hồ Văn P1, sinh ngày 08/4/1998 và Hồ Văn P2, sinh ngày 10/9/2000 đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Hồ Văn P3, sinh ngày 23/5/2009, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* **Bị đơn anh Hồ Văn T** đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

** Tại Biên bản xác minh ngày 01/12/2025 đối với Trưởng ấp Tân Hoà A, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang:*

Phó Ban lãnh đạo ấp Tân Hoà A, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang xác nhận anh Hồ Văn T vẫn có mặt ở địa phương nhưng đi làm nên sáng đi đến chiều tối về nhà tỉnh An Giang.

** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 09/01/2026 cháu Hồ Văn P3 trình bày:*

Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, Hội Đồng xét xử, Thư ký phiên toà: thì thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 116 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị HĐXX xét chấp nhận:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Hồ Văn T.
- Về con chung: Giao cháu Hồ Văn P3 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.
- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hồ Văn T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Bị đơn anh Hồ Văn T có nơi cư trú tại ấp Tân Hoà A, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản [1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao](#).

[\[1.2\] Về sự có mặt của đương sự:](#) Chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với anh Hồ Văn T thì Tòa án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Hồ Văn T vẫn vắng mặt không lý do và chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Do đó

căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, do đó quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn T: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Thị D xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, mặc dù chị D đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy, từ đó tình cảm vợ chồng không hạnh phúc nên chị D muốn chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này. Mặc dù Tòa án đã mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T hàn gắn đoàn tụ nhưng Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để anh Hồ Văn T có mặt tham gia phiên tòa nhưng anh Hồ Văn T vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nên không thể xác thực được việc anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, tuy nhiên chị Nguyễn Thị D xác định rằng chị không còn tự nguyện chung sống với anh Hồ Văn T và chị cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn T nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D về việc xin ly hôn với anh Hồ Văn T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T có 03 con chung gồm: Hồ Văn P1, sinh ngày 08/4/1998; Hồ Văn P2, sinh ngày 10/9/2000; Hồ Văn P3, sinh ngày 23/5/2009. Đối với cháu Phúc và cháu Phi thì nay đã đủ tuổi trưởng thành nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hồ Văn P3, sinh ngày 23/5/2009, không yêu cầu anh Hồ Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Phước. Hội đồng xét xử xét thấy từ sau khi

ly thân đến nay chị Nguyễn Thị D là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phước. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phước cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống của cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị Nguyễn Thị D tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Hồ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Hồ Văn T đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Hồ Văn T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn T. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Hồ Văn T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn trong vụ án nên chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; [khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025](#) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” với anh Hồ Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Hồ Văn T.

2. Về con chung: Đối với con chung là cháu Hồ Văn P1, sinh ngày 08/4/1998 và cháu Hồ Văn P2, sinh ngày 10/9/2000 nay đã trưởng thành nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao con chung là Hồ Văn P3, sinh ngày 23/5/2009 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị D tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Hồ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007309 ngày 04/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh